



HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG TRUYỆN NGẮN CÔNG GIÁO VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Tấn Tài

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Quang Huy <nqhuy@ued.udn.vn>

(Ngày nhận bài: 14-07-2024; Ngày chấp nhận đăng: 24-09-2025)

Tóm tắt. Trong dòng chảy của văn học dân tộc, có một bộ phận văn học đã được hình thành và phát triển gần 400 năm cho đến nay – văn học Công giáo, nhưng dường như nó vẫn còn là một thế giới xa lạ đối với đa số độc giả. Ở bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu hình tượng những người phụ nữ trong thể loại truyện ngắn Công giáo đương đại. Dưới ngòi bút của các nhà văn Công giáo, hình ảnh của người phụ nữ xuất hiện với nhiều sắc thái, chiều kích khác nhau được mang ra chiêm ngắm như một màu nhiệm trong mối tương quan giữa văn học và tôn giáo. Qua việc khảo sát một số ấn phẩm dọn mừng 400 năm văn học Công giáo Việt Nam, chúng tôi hướng tới phân loại loại hình và đánh giá liên ngành kiểu hình tượng độc đáo này. Bài viết cũng sẽ tham chiếu tư tưởng Kinh Thánh và Mỹ học Kitô giáo ở một số điểm cần thiết để phân tích sâu các kiểu hình tượng phụ nữ có tần số tái lập cao. Qua đó làm rõ thêm những giá trị, đóng góp của văn học Công giáo đối với văn học Việt Nam đương đại.

Từ khóa: Hình ảnh Thiên Chúa; hình tượng người phụ nữ; thánh thiện; tội lỗi; truyện ngắn Công giáo

IMAGE OF WOMEN IN CONTEMPORARY VIETNAMESE CATHOLIC SHORT STORIES

Nguyen Quang Huy, Nguyễn Tấn Tài

University of Education, Da Nang University, Vietnam

*Correspondence to Nguyễn Quang Huy <nqhuy@ued.udn.vn>

(Received: July 14, 2024; Accepted: September 24, 2025)

Abstract. Within the current of national literature, there exists a body of writing that has been formed and developed for nearly four centuries – Catholic literature – yet it still remains a distant and unfamiliar world for the majority of readers. This article focuses on the study of female figures in contemporary Catholic short stories. Under the pens of Catholic writers, the image of women emerges in diverse shades and dimensions, contemplated as a mystery within the intersection of literature and religion. By examining several publications commemorating 400 years of Vietnamese Catholic literature, we aim to classify the typologies and conduct an interdisciplinary assessment of this unique literary figure. The article also draws upon Biblical thought and Christian aesthetics, where necessary, to provide deeper analysis of recurrent female archetypes. In doing so, it highlights the values and contributions of Catholic literature to contemporary Vietnamese literature.

Keywords: Image of God; female figure; holiness; sin; Catholic short stories

1. Mở đầu

Từ lâu, tôn giáo và văn học tồn tại mối quan hệ song song, đan xen và ảnh hưởng lẫn nhau. Tôn giáo trở thành nguồn mạch khơi dậy, cũng như nâng đỡ sức sáng tạo của văn học nghệ thuật. Việt Nam là một quốc gia đa tín ngưỡng, đa tôn giáo. Bởi vậy, văn học nghệ thuật dân tộc chịu ảnh hưởng nhiều từ tư tưởng của các tôn giáo. Bên cạnh những tôn giáo lâu đời ở Việt Nam, đạo Công giáo tuy được du nhập vào nước ta khá muộn, nhưng đã phát triển mạnh mẽ và có sức ảnh hưởng đến đời sống văn hóa dân tộc.

Lấy cột mốc khởi đầu vào năm 1632, khi thừa sai Giêrônimô Majorica thành lập một cơ sở in ấn tại Thăng Long để in các tài liệu chữ Nôm, sự kiện này được coi là cột mốc chào đời của nền văn học Công giáo Việt Nam. Với lịch sử gần 400 năm hình thành và phát triển, đạo Công giáo đã có nhiều đóng góp cho nền văn học dân tộc. Nhưng dường như bộ phận văn học này chưa thực sự được đón nhận. Trong cuốn *Văn học Công giáo Việt Nam – Những chặng đường*, Lê Đình Bảng đặt vấn đề: “Chẳng rõ là định kiến, là ngộ nhận hay thận trọng? Giới nghiên cứu nói chung vẫn còn cảm tưởng, hình như văn học Công giáo Việt Nam là một thế giới đóng kín, thuộc cõi riêng tư nào đó, biệt lập, âm thầm, khó thâm nhập” [1, Tr. 50]. Mong muốn khẳng định những giá trị đóng góp và công nhận sự hiện diện của nền văn học Công giáo ở Việt Nam, Võ Long Tê cho rằng: “Sự hiện diện của đạo Công giáo trong văn học Việt Nam là một sự kiện lịch sử và hơn nữa, là một chất men sinh động, cần được minh giải đầy đủ, tương xứng với tầm quan trọng của nó trong đời sống dân tộc” [16, Tr. 16].

Ở đây, bài viết tập trung khảo sát một số tập truyện ngắn của các tác giả trẻ Công giáo Việt Nam đương đại, bao gồm: *Sông chảy về đâu* (Nguyễn Thị Khánh Liên), *Ánh sao đêm* (Phạm Hải Miên), *Bão* (Chung Thanh Huy), *Tiếng Vọng* (Tâm Ngọc), *Đi tìm Ikigai* (Nguyễn Ninh). Trên cơ sở thao tác nhận diện và phân tích hình tượng người phụ nữ trong văn học Công giáo, bài viết làm rõ cách các nhà văn thể hiện tư tưởng, cảm quan nghệ thuật và đức tin Kitô giáo thông qua việc xây dựng hình tượng người phụ nữ theo tinh thần của “Thần học Công giáo, chất liệu

Kinh Thánh, kiểu tư duy nghệ thuật từ Kinh Thánh, Thánh Vịnh và kiểu ngôn ngữ “nhà đạo” [18, Tr. 20]. Nghiên cứu này góp phần khẳng định sự hiện diện của truyện ngắn Công giáo như một dòng văn học đặc thù trong bối cảnh văn học Việt Nam đương đại, với những đặc điểm thẩm mỹ riêng biệt gắn liền với yếu tố tâm linh, nhân bản và thiêng liêng. Qua đó, việc tiếp cận truyện ngắn Công giáo không chỉ giúp nhận diện rõ hơn về một thể loại văn học mang tính tôn giáo, mà còn góp phần mở rộng diễn đàn nghiên cứu về tính đa dạng trong tư tưởng và mỹ học văn học Việt Nam hiện đại.

2. Cơ sở tư tưởng về xây dựng hình tượng người phụ nữ trong văn học Công giáo

Trong bối cảnh các quốc gia phương Đông chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo, quan niệm “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” đã từng đóng vai trò định hình nhận thức xã hội về giới tính. Ngày nay, mặc dù tư tưởng này đã được nhìn nhận là lạc hậu, song hiện tượng “trọng nam khinh nữ” vẫn còn tồn tại ở nhiều cấp độ khác nhau. Điều này đặt ra một vấn đề đáng chú ý khi xem xét mối quan hệ giữa phụ nữ và tôn giáo, vừa có sự gắn bó mật thiết, vừa tiềm ẩn những mâu thuẫn do các định kiến giới mang tính lịch sử. Khi nhắc đến phẩm giá của người phụ nữ, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II cho rằng: “Người ta đã xem nhẹ phẩm giá của người phụ nữ, bỏ qua mọi quyền hạn của họ, gạt họ ra ngoài lề xã hội, thậm chí biến họ thành nô lệ. Nhân loại đã mắc một món nợ khổng lồ vì truyền thống trọng nam khinh nữ” [9]. Điều đó được lịch sử thế giới ghi nhận, phải trải qua nhiều sự đấu tranh thì phụ nữ mới có được quyền lợi và giá trị như ngày nay. Cùng với sự thăng tiến trong quyền và sự vụ của người phụ nữ trong xã hội, giáo hội đã có những suy tư sâu sắc về phụ nữ, như lời Hồng Y Martini: “Chính Chúa đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu sâu hơn sứ mạng của phụ nữ, coi đó là tâm điểm của bao nhiêu vấn đề trong xã hội chúng ta” [7, Tr. 8]. Việc nghiên cứu hình ảnh người phụ nữ trong văn học tôn giáo, đặc biệt là văn học Công giáo, không chỉ góp phần lý giải vai trò giới trong đời sống đức tin, mà còn mở ra hướng tiếp cận phê bình văn học từ góc nhìn phê bình thần học nữ quyền.

Đối với Kitô giáo, phẩm giá của người phụ nữ được chính Thiên Chúa thiết lập ngay từ buổi đầu tạo dựng, như lời Kinh Thánh đã chép rằng: “Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ” (*Sáng thế 1, 27*)¹. Điều này có nghĩa là, cả người nam và người nữ đều được tạo dựng bình đẳng theo hình ảnh Thiên Chúa. Theo như *Học thuyết xã hội của Giáo Hội*

¹ Sáng thế; Cô-lô-xê; Gioan; Phi-líp-phê; Mát-thêu; Lê-vi; Phê-rô; Ê-phê-xô; Mác-cô; Châm ngôn; Híp-ri; Giăng viêng; Cô-rin-tô; Khải huyền... được trích trong sách Kinh thánh Cựu ước và Tân ước – Lời Chúa cho mọi người, Nhóm Phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ dịch, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2006.

Công giáo đã khẳng định: “Người nam và người nữ có cùng phẩm chất như nhau và bình đẳng về giá trị, không chỉ vì cả hai tuy có điểm khác biệt nhưng đều được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa” [10, Tr. 102]. Trong Tông Huấn *Familiaris Consortio*, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã viết: “Khi tạo dựng con người có nam có nữ, Thiên Chúa đã ban cho họ phẩm giá cá nhân bình đẳng, cùng với các quyền lợi và trách nhiệm bất khả nhượng, chỉ riêng con người mới có” [15, Tr. 451]. Như vậy, quan điểm Kitô giáo bác bỏ chủ trương cho rằng, một cách tự nhiên, nam vượt trội hơn nữ, vì trong tư cách là hình ảnh Thiên Chúa, người nam và người nữ bình đẳng như nhau. Giá trị của người phụ nữ cũng được Đức Giáo Hoàng Phanxicô khẳng định rằng: “Không có phụ nữ, thì không có hòa hợp trên thế giới” [9]. Có thể thấy, trong Giáo Hội, phụ nữ có vai trò quan trọng, và những gì họ đã hiến thân cho đức tin chẳng thua kém bất kỳ một bậc nam nhi nào. Từ đó khẳng định, người phụ nữ trong Kitô giáo có đầy đủ quyền và giá trị của một con người, cũng như ngang hàng với người nam.

Dựa trên trung tâm mạc khải Kitô giáo, như minh chứng của Thánh Kinh, Thánh Truyền và Huấn Quyền, chân lý: “Con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa” [15, Tr. 435] là cơ sở tư tưởng nền tảng của việc sáng tạo nghệ thuật xây dựng con người trong văn học Công giáo. Bên cạnh đó, tư tưởng Mỹ học Kitô giáo cho rằng: “Mọi tạo vật được Thiên Chúa tạo dựng đều tốt đẹp. Con người là cái đẹp trung tâm vì con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa” [17, Tr. 60]. Ngày nay, thuật ngữ “hình ảnh Thiên Chúa” đã trở thành một đề tài nghiên cứu của môn Nhân luận Thần học. Trong *Công đồng Vaticanô II*, thuật ngữ này dùng để trình bày phẩm giá con người, Giáo lý Hội Thánh Công giáo cũng tiếp tục hướng đi ấy. Ở đây, dựa trên *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* số 355-361 để đưa ra một lý giải phổ quát rằng, con người mang phẩm giá cao trọng là tạo vật duy nhất được tạo dựng theo hình ảnh của Đấng Sáng Tạo, có khả năng hiểu biết và yêu mến Thiên Chúa, có phẩm giá là một ngôi vị, có khả năng nhận thức về bản thân mình. Nhờ nhận biết và yêu thương, con người được mời gọi tham dự vào đời sống thần linh của Thiên Chúa, cũng như hiệp thông với tương quan khác (Thiên – Địa – Nhân) [19, Tr. 116–118]. Các mối tương quan đó cũng chính là biểu hiện của ý niệm nhân bản Kitô giáo về căn tính của con người. Dù được hiểu theo cách nào, con người – bất kể giới tính, màu da, chủng tộc hay giai cấp xã hội – đều mang phẩm giá cao quý vì là con Thiên Chúa. Sự kết hợp giữa hai chủ đề “hình ảnh Thiên Chúa” và “phận làm con Thiên Chúa” mở ra một chiều kích siêu việt, không chỉ khẳng định phẩm tính con người, mà còn biểu thị nỗ lực hướng tới một lý tưởng.

Vì Thiên Chúa vô hình chưa ai nhìn thấy, nên nền tảng con người là hình ảnh Thiên Chúa được đặt trên yếu tố Kitô luận về Chúa Giêsu là hình ảnh trọn hảo của Thiên Chúa vô hình, điều đó được khẳng định trong Kinh Thánh: “Thánh Tử là hình ảnh Thiên Chúa vô hình, là trường tử sinh ra trước mọi loài thọ tạo” (*Cô-lô-xê* 1, 15); “Người là phản ánh về huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa” (*Híp-ri* 1, 3). Thiên Chúa vô hạn đã ở trong hình dạng hữu hạn của con người qua “Mâu Nhiệm Nhập Thể”, Con Một Thiên Chúa là Đức Giêsu đã xuống thế làm người và sống giữa con người. “Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng

ta” (Gioan 1, 14); “Đức Giêsu Kitô vốn dĩ là Thiên Chúa... nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân, sống như người trần thế” (Phi-líp-phê 2, 6-7). Do đó, Chúa Giêsu “vừa là Thiên Chúa thật, vừa là người thật”, Người đã đến trần gian để tái tạo hình ảnh Thiên Chúa đã bị biến dạng nơi con người, nhân tính của Đức Giêsu là mô thức đầy đủ của con người. Vì vậy, lời mời gọi con người nỗ lực trở nên “đồng hình đồng dạng” với Thiên Chúa, thông qua hình ảnh Đức Giêsu – con người hoàn hảo là mục tiêu hướng đến trong cuộc sống của mọi Kitô hữu. Đức Giêsu đã tỏ cho con người thấy dung mạo và con đường trở nên giống hình ảnh Thiên Chúa qua bài giảng trên núi, được gọi là *Bát Phúc* (hay *Tám Môi Phúc Thật/Hiển chương Nước Trời*) được chép trong Tin Mừng *Mát – thêu* chương 5, câu 1-12. Ở đó chúng ta thấy được con người mang hình ảnh của Thiên Chúa qua các nhân đức: bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nại, nhân từ, trung tín, hiền hòa, khoan dung, trung tín, tiết độ... Mặc khải Kitô giáo với nét mới mẻ độc đáo này nhằm cung cấp cái nhìn khách quan về sự tái hiện, khám phá về hình tượng người phụ nữ Công giáo trong đời sống và văn chương.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi triển khai theo hướng vận dụng các khái niệm của bộ môn Nhân học Kitô (hay Thần học về con người), đặt dưới tham chiếu là hình ảnh Đức Giêsu, để mô tả, khám phá nhân dạng của người phụ nữ trong truyện ngắn Công giáo. Dựa trên tín lý “Người nữ được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa” [3, Tr. 971], các nhà văn Công giáo đã dùng ngòi bút của mình mà xây dựng hình tượng những người phụ nữ mang dung mạo của Thiên Chúa. Gương mặt của người phụ nữ trong các sáng tác hiện lên đa dạng và phong phú. Những nhân vật nữ trong văn học có nét tương đồng với những người phụ nữ trong Kinh Thánh và truyện các thánh. Họ là những con người bé nhỏ, xuất phát từ nhiều thành phần trong xã hội, mỗi người mỗi hoàn cảnh và số phận khác nhau. Tuy không được xã hội coi trọng, bị người đời khinh chê, cuộc sống đầy bất công và đau khổ, thì người nữ vẫn là đối tượng mà lòng thương xót của Thiên Chúa mong muốn chạm đến. Với nhãn quan đầy mới mẻ và thái độ trân trọng đối với những người phụ nữ, các tác giả Công giáo đã cho thấy những kinh nghiệm và vai trò của người nữ trong đạo và đời. Qua đó, người đọc thấy được những bài học giá trị cho đời sống và hành trình đức tin.

3. Người nữ theo dung mạo Thiên Chúa

3.1. Người nữ là hiện thân của tình yêu

Trong sinh hoạt đời thường, đạo Công giáo thường được gọi là “Đạo yêu thương”. Có thể thấy “yêu thương” chính là bản chất nổi bật và là cột trụ quan trọng của đạo Công giáo. Hình ảnh của Thiên Chúa được Thánh Gioan Tông Đồ định nghĩa rằng: “Thiên Chúa là tình yêu: ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở lại trong người ấy” (1 Gioan 4, 16). Do đó, khi yêu thương, con người trở nên đồng dạng với Thiên Chúa. Vì Chúa Giêsu đã tự đồng hóa mình với con người, đặc biệt là những người nhỏ bé trong xã hội. “Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta

vậy.” (*Mát-thêu* 25, 40). Những nhân vật người phụ nữ trong văn chương Công giáo được xây dựng dựa trên khuôn mẫu của Thiên Chúa là tình yêu. Trong truyện *Biển của đời người* (Chung Thanh Huy), hình tượng bà lão hiện lên như biểu tượng của lòng yêu thương và đức tin Kitô giáo. Không chỉ cứu sống một cô gái có ý định tự tử, bà còn đóng vai trò như người dẫn dắt tâm linh, giúp cô gái ấy vượt qua khủng hoảng và tìm lại ý nghĩa sống. Bằng sự dịu dàng và lời khuyên thấm đẫm tinh thần phó thác: “Dù gì cũng ráng mà sống tốt con à. Con kiến, con trùng, ngọn cây, ngọn cỏ bị người ta chà đạp mà vẫn cố vươn lên mà sống [...] với lòng tin cậy, phó thác vào Chúa thì mình có thể vượt qua hết con à” [4, Tr. 52–53]. Có thể thấy, bà lão trở thành hiện thân của niềm hy vọng Kitô giáo dành cho những phận người cùng khổ. Tương tự, trong truyện *Người gác chuông nhà thờ* (Nguyễn Thị Khánh Liên), hình tượng bà cụ mù chữ tiếp tục khắc họa mẫu hình người phụ nữ Công giáo giàu lòng bác ái. Dù không biết chữ, bà vẫn kiên trì giảng dạy cho những đứa trẻ hư hỏng, thể hiện tinh thần phục vụ vô vị lợi và đức tin kiên định: “Tiễn hết lớp này đi, bà lại dạy tiếp lớp mới. Vì trong làng vẫn còn nhiều đứa trẻ không biết chữ, không thuộc nổi kinh thiên. Bà kiên nhẫn dạy chúng” [6, Tr. 30]. Dựa trên *Mười bốn mùa thương người* của đạo Công giáo, thương người không chỉ dừng ở việc chăm lo về phần xác, nhưng còn là việc thương linh hồn như việc “lấy lời lành mà khuyên người/mở dạy kẻ mê muội/an ủi kẻ âu lo/răn bảo kẻ có tội...”. Cả hai hình tượng người phụ nữ kể trên cho thấy vai trò tích cực của người phụ nữ trong việc chuyển tải giá trị đạo đức và đức tin, đồng thời góp phần khẳng định sức mạnh cảm hóa của lòng nhân ái và niềm tin trong bối cảnh đời sống hiện đại nhiều biến động.

Một hình ảnh khác của tình yêu được các nhà văn khắc họa là câu chuyện về những người phụ nữ dành cả cuộc đời của mình để dẫn thân cho sứ vụ cao đẹp. Như chị Vân trong truyện *Hạnh phúc nơi đâu* của Phạm Hải Miên, làm công việc chôn xác thai nhi bị bỏ rơi. Tuy công việc đó mang đến cho chị những lời đàm tiếu, những ánh mắt kì thị và hiểu lầm từ mọi người xung quanh, nhưng người phụ nữ ấy vẫn nghị lực vượt lên số phận bi đát và kiên trung với “ơn gọi” của đời mình. Trong một ngày mưa tầm tã, khi đang trên đường đi lấy xác thai nhi, Vân không may gặp nạn và ra đi mãi mãi. “Công việc của chị Vân là chôn cất các em nhỏ phải chết trong những bọ nước của kẻ vô tình. Nhưng đâu ngờ, hôm nay chính họ lại chôn xác chị, người chết trong dòng nước bao lấy cồn đất này [...] đám tang chị không chiếc khăn tang nhưng cả bầu trời chum kín màu đen của mưa như khóc thương chị” [8, Tr. 86]. Vân dù phải chịu nhiều tiếng xấu, nhưng vẫn dành cả cuộc đời mà cống hiến trong thầm lặng, đỉnh điểm là sự hy sinh chính mạng sống cho lý tưởng tình yêu cao đẹp. “Chị Vân thương phận đời mình, thương người chị cứu chữa, thương cả những thai nhi. Tôi tin tình thương của chị là cao cả nhất như lời Chúa dạy” [8, Tr. 89]. Có lẽ hình ảnh đẹp nhất, cao cả nhất trong đạo Công giáo là hình ảnh Chúa Giêsu bị treo trên thập giá để chết cho nhân loại. Chung Thanh Huy cũng đã xây dựng nhân vật nữ của mình mang vẻ đẹp siêu việt ấy trong truyện *Những ánh sao đêm*. Sơ Maria “là một cô gái có đôi mắt thật đẹp cùng gương mặt thanh tú, nổi bật trong nhóm múa” [4, Tr. 79] lại chọn cuộc sống tu trì, cả cuộc đời dẫn thân phục vụ những bệnh nhân phong cùi. Thật đáng tiếc, sơ đã hy

sinh trong lúc đang đi phục vụ. Qua những công việc mà sơ Marira đã làm, những bệnh nhân mà sơ chăm sóc đã coi sơ như một vị Thánh trong lòng họ. “Qua bàn tay sơ Maria mà họ cảm nhận được Thiên Chúa từ bi, nhân hậu, khoan dung” [4, Tr. 82]. Thiên Chúa đã chết vì yêu thương con người, những người phụ nữ như chị Vân và sơ Maria cũng đã hi sinh mạng sống vì anh chị em đồng loại của mình như thế. Đây cũng chính là tột đỉnh của tình yêu cao vượt trên mọi tình yêu như Chúa Giêsu đã nói: “Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh mạng sống vì bạn hữu mình” (*Gio-an* 15, 13).

Đặc điểm nổi bật của hình tượng người phụ nữ trong văn học Công giáo là thiên chức làm mẹ – một vai trò được xem như quà tặng thiêng liêng từ Đấng Tạo Hóa. Nhiều tác giả đã khai thác hình tượng phụ nữ qua lăng kính “mẫu tính”, thể hiện không chỉ ở chức năng sinh học mà còn ở tình thương vô điều kiện, đức hy sinh và lòng nhân hậu. Vẻ đẹp mẫu tính này góp phần tạo nên bản sắc riêng của hình tượng người phụ nữ trong văn học tôn giáo, đồng thời phản ánh quan niệm Kitô giáo về phẩm giá và vai trò thiêng liêng của người phụ nữ trong kế hoạch cứu độ. Trong số các nhà văn trẻ Công giáo, Nguyễn Ninh dành nhiều trang viết để ca ngợi thiên chức làm mẹ. Truyện *Mùa gió chướng* đã để lại dấu ấn sâu đậm với hình ảnh người mẹ mới mang thai năm tuần thì phát hiện ung thư họng. Bà kiên quyết không bỏ đứa con bé nhỏ, âm thầm chịu đựng những cơn đau xé lòng để chờ ngày con được chào đời. Cô con gái tên Ân được chào đời, là món quà được đánh đổi bằng nghị lực, sự hy sinh đến mức người mẹ phải hiến dâng cả đôi mắt của mình. “Bảo vệ sự sống” không chỉ là thiên chức của người phụ nữ, mà còn được Giáo Hội Công Giáo coi là sứ mệnh của Kitô hữu và toàn thể nhân loại. Lựa chọn này cũng được thể hiện trong truyện *Chăm lại vườn cây* của Nguyễn Ninh, nhân vật người mẹ, dù đứng trước ranh giới giữa sự sống và cái chết, vẫn chấp nhận hy sinh bản thân để con mình được chào đời. “Dù con có mệnh hệ gì thì con cũng sẽ không giết con con đâu” [13, Tr. 183].

Không chỉ dừng lại ở thiên chức “bảo vệ sự sống”, người phụ nữ còn hiện lên với vai trò “chăm sóc sự sống” ấy được phát triển và trưởng thành. Hình ảnh người mẹ bán hàng rong trong truyện *Người yêu dấu ơi* (Nguyễn Thị Khánh Liên) đã phải vất vả nuôi con, còn phải chịu đựng người chồng vũ phu, cò bạc. “Chiều chủ nhật, mẹ luôn nghỉ bán, đạp xe chở tôi đi lễ nhà thờ” [6, Tr. 97]. Tuy sau mỗi lần đi nhà thờ về, người mẹ lại bị chồng đánh đập vì tội đưa con đi lễ, nhưng vì con mà bà cố gắng chịu đựng những điều ấy. Hình ảnh người mẹ Công giáo không chỉ nỗ lực mưu sinh cho con có miếng ăn hằng ngày, mà còn dạy dỗ và giáo dục con cái theo tinh thần của Chúa. Từ hình ảnh người mẹ lam lũ làm việc để lo cho con mà mất đi đôi bàn tay do bệnh phong cùi trong truyện *Người yêu dấu ơi* (Nguyễn Thị Khánh Liên), đến hình ảnh người mẹ đi tìm đứa con hư hỏng giữa trời mưa bão mà bị liệt bàn chân trong truyện *Tình yêu thập giá* (Nguyễn Ninh). Chiêm nghiệm tình yêu của những người mẹ xuất phát từ tình yêu của Thiên Chúa dành cho nhân loại: “Bà ngỡ ngàng nhận ra chính Giêsu đã dạy bà cách yêu thương đứa con của mình, nơi chính tình yêu của Người. Giêsu yêu nhân loại. Yêu đến tận cùng. Người đã yêu nhân loại bằng một tình yêu kiên nhẫn, vô điều kiện, và hy sinh cả mạng sống mình. Cũng

như bà đã kiên nhẫn chờ đứa con của bà trở về. Bất chấp hàng trăm lần nó ngỗ nghịch và hư hỏng” [13, Tr. 162]. Theo nhận định Julian Norwich về việc sử dụng hình ảnh phái nữ để nói đến tình mẫu tử của Thiên Chúa được thể hiện nơi Đức Giêsu. Bà cho rằng, tình mẫu tử có nghĩa là tình yêu thương và nhân hậu, khôn ngoan, hiểu biết, tốt lành. Dung mạo của Thiên Chúa được khám phá qua hình ảnh của những người mẹ có lẽ là một chân trời mới mẻ, hay đúng hơn, một chân trời bị quên lãng trong truyền thống Kitô giáo [15, Tr. 490–491].

Hình ảnh “Thiên Chúa là tình yêu” được biểu hiện qua những người phụ nữ biết yêu thương, như nhận định của René Latourelle: “Tình yêu tha nhân không hủy diệt tình yêu Thiên Chúa. Nhưng hai tình yêu này liên kết chặt chẽ với nhau, nếu thiếu một trong hai thì tình yêu không tồn tại được” [5, Tr. 55]. Người Kitô hữu tin rằng, tình yêu chính là nguyên do, hình thức cao thượng và quý giá nhất giữa các mối tương quan con người với Thiên Chúa và giữa các hữu thể con người. Các cây bút trẻ Công giáo đã làm sống động mọi khía cạnh của tinh thần bác ái Kitô giáo, qua việc khắc họa qua những nhân vật nữ giàu tình yêu thương và lý tưởng sống cao đẹp. Đó là những con người sống đời tận hiến, dẫn thân phục vụ tha nhân. Hay như những con người trao ban sự yêu thương bằng cách chăm lo về phần linh hồn cho các đối tượng sa ngã, tuyệt vọng, mất niềm tin. Đặc biệt, khía cạnh của tình yêu Thiên Chúa còn được tái khám phá qua tình mẫu tử. Những nhà văn Công giáo đã lựa chọn con đường sáng tạo nghệ thuật trên tư tưởng bác ái Kitô giáo, nhằm lan tỏa những giá trị của Tin Mừng, khích lệ tinh thần phục vụ và yêu thương tha nhân nơi người tín hữu. Từ đó khẳng định, con người yêu thương chính là hạt nhân để xây dựng “nền văn minh tình yêu”.

3.2. Người nữ mang vẻ đẹp thánh thiện

Từ “thánh” (聖), tiếng Hy Lạp là hagios, nghĩa là tách ra khỏi những gì phàm tục, thuộc về thần linh, dùng để chỉ người hoặc sự vật tốt vượt bậc, trên mức bình thường; “thiện” (善) nghĩa là tốt lành. Thánh thiện là từ dùng để chỉ sự tốt lành ở mức cao vượt bậc và để “dành riêng cho Thiên Chúa”. Thiên Chúa đã phán rằng: “Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của các ngươi; các ngươi phải nên thánh và phải thánh thiện, vì ta là Đấng Thánh” (*Lê-vi* 11, 44). Chính vì Đức Chúa là Đấng Thánh, nên con người được mời gọi để trở nên thánh thiện giống như Ngài, người Kitô hữu với bốn phận sống thánh thiện như lời Kinh Thánh dạy rằng: “Anh em hãy sống thánh thiện trong cách ăn nết ở, để nên giống Đấng Thánh đã kêu gọi anh em” (*1 Phê-rô* 1, 15) và “Anh em phải mặc lấy con người mới, là con người đã được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để thật sự sống công chính và thánh thiện” (*Ê-phê-xô* 4, 24). Qua Các Mối Phúc (*Mát-thêu* 5, 1-12), Chúa Giêsu mở ra cho con người con đường nên thánh. Văn chương Công giáo đã họa lại con đường ấy bằng nhiều hình thái thánh thiện khác nhau nơi các nhân vật. Điều quan trọng không phải là gom góp thành một bảng mẫu thánh thiện, nhưng là nhận ra những dấu chỉ, những thái độ tâm linh sống động của người tín hữu giữa thế giới hôm nay.

Trong *Tông huấn Gaudete et exsultate*, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã chỉ ra những dấu hiệu của sự thánh thiện trong thế giới ngày nay: “Dấu hiệu lớn thứ nhất là đặt nền vững chắc nơi Thiên Chúa. Nguồn sức mạnh nội tâm này giúp chúng ta kiên trì giữa những thăng trầm của cuộc sống” [14, Tr. 79]. Biểu hiện của dấu hiệu đó là sự “cương quyết nội tâm”, tức là thái độ kiên định vượt qua nghịch cảnh để trung thành với niềm tin của mình. Như tấm gương của cụ bà Lapia trong truyện *Bài ca của chú ve nhỏ* (Nguyễn Thị Khánh Liên), sau khi bị mất gia đình trong cơn lũ quét qua làng, không chỉ phải chịu nỗi đau về tâm hồn, mà còn phải chịu nỗi đau về thể xác khi mắc phải bệnh phong cùi và bị gạt ra bên lề xã hội. Lapia đã ví mình như những chú ve nhỏ, tuy cuộc sống ngăn ngúi, nhưng vẫn muốn cất lên tiếng hát: “Những chú ve biết hát ca ngợi cái đẹp. Có gì Lapia không hát ca ngợi Thiên Chúa” [6, Tr. 79]. Giữa không gian đại ngàn, cụ bà Lapia đã hát vang bài ca Chúa dạy, đó là “bài ca về tình yêu cuộc sống”. Tương tự, nhân vật H trong truyện *Nếu hạt lúa rơi vào lòng đất* (Nguyễn Ninh), dẫu cho đang chịu đựng sự giày vò của đau khổ, bệnh tật, nhưng nhờ niềm tin cậy và phó thác vào Chúa, mà chị có can đảm đối diện với cái chết một cách bình tâm, lạc quan trong những ngày cuối đời, với lời xác tín cậy trông vào Chúa: “Mọi sự chỉ còn biết phó thác cho Chúa nữa mà thôi” [13, Tr. 14]. Khi thấy được niềm tin mãnh liệt của H, nhân vật tôi – một người tu sĩ phải tự vấn lại bản thân mình: “Của đáng tội, suốt ngày tôi đọc kinh cầu nguyện, học hỏi lời Chúa, mà lắm khi chỉ một nỗi buồn phiền, một thử thách thường ngày cũng khiến tôi rên rầm kêu gào. Còn nó, sao nó có thể mạnh mẽ can trường đến vậy? Tôi thấy mình thật nhỏ nhen, ti tiện, tầm thường” [13, Tr. 15]. Một minh chứng khác có thể thấy qua câu chuyện về một phận đời đau khổ, đầy nước mắt của nhân vật Hương trong truyện ngắn *Hoa nở giữa đêm* (Tâm Ngọc). Cô gái bị mẹ nuôi bán vào nhà chứa và bị bắt phải tiếp khách. Trong lúc tăm tối, khốn cùng nhất của cuộc đời, người con gái ấy vẫn một lòng cậy trông vào Chúa: “Con bị mẹ ruột bán vào nơi đây. Ở đây con bị đối xử không khác gì súc vật. Hằng ngày con phải tiếp khách... Chúa ơi! Trước mặt Chúa xin cho con được mãi trong sạch. Xin giữ gìn con” [12, Tr. 146]. Tuy phải chịu nhiều thống khổ, chà đạp bởi tay người đời, nhưng Hương cho thấy một tâm hồn thánh thiện vượt trội, tác giả Tâm Ngọc so sánh cô như bông hoa nhọ nhuộm bụi trần, cố vươn lên bám lấy Chúa là niềm hy vọng để sống tiếp, cho dù sống không bằng chết, “vậy mà em luôn tín thác vào Chúa, nhận ra Chúa vẫn yêu em và em đã đáp lại tình yêu ấy bằng sự tha thứ cho những người làm tổn thương mình” [12, Tr. 153]. Với kinh nghiệm này đã trở thành một lẽ khôn ngoan cho những ai đặt mình phụ thuộc vào Thiên Chúa, sẽ giải phóng họ khỏi mọi hình thức nô lệ và nhận ra phẩm giá cao cả của con người.

Sự “cương quyết nội tâm” còn có nghĩa là việc đấu tranh với cám dỗ, thử thách của cuộc sống để giữ vững bốn tâm. Cô sinh viên Hằng trong truyện ngắn *Tiếng Vọng* (Tâm Ngọc) đã phải đấu tranh tư tưởng khi được vị giáo sư ngỏ ý sẽ cho cô qua môn nếu cô chiều theo ý hắn. “Đi hay không đi? Nếu chiều theo ý vị giáo sư kia, cô sẽ có điểm cao, sẽ không phải học lại môn này. Nhưng rồi, đời thiếu nữ trong trắng của cô sẽ ra sao đây?” [12, Tr. 31]. Nhờ nghe được tiếng Chúa trong giấc mơ, đó như là chiếc phao cứu sinh để Hằng bám lấy, vượt lên sự cám dỗ

mà giữ vững luật Chúa, giữ vững lương tâm của người Công giáo. “Căn phòng vẫn mập mờ, nhập nhoạng trong gam màu tối đen tội lỗi. Trong ánh đèn mờ ảo, cô dường như thấy bàn tay Chúa chịu nạn đang dang ra cứu lấy cô. “Trở về với Thầy đi con” [12, Tr. 33–34]. Tương tự như trong truyện *Bước qua niềm đau*, tác giả Phạm Hải Miên đã khéo léo xây dựng chi tiết giấc mơ để phản ánh nội tâm nhân vật. Phương đau khổ vì chồng bỏ theo người phụ nữ khác, lại phải chịu sự đay nghiến của mẹ ruột, buộc chị phải ly hôn để đi bước nữa. Tuy nhiên, với niềm tin Công giáo, Phương không muốn lỗi luật Chúa, không phản bội hôn ước một vợ một chồng. Hình ảnh cây Thánh giá xuất hiện trong giấc mơ của Phương đã giúp cô chiến đấu với nghịch cảnh của đời mình, giữ vững lòng thủy chung và giao ước với Chúa. Giấc mơ đại diện cho những gì con người đang trải qua trong cuộc sống, nó mang đến những thông điệp do tiềm thức mang lại, giúp chủ thể nhìn rõ cảm xúc, suy nghĩ của bản thân. Hằng (*Tiếng Vọng – Tâm Ngọc*) và Phương (*Bước qua niềm đau – Phạm Hải Miên*) đã chiến đấu ngay cả trong giấc mơ để giữ lấy bốn tâm của mình. Họ là những con người đặt Chúa làm cán cân công lý, là sức mạnh giúp họ chiến thắng được cám dỗ để giữ trọn sự thánh thiện. Giáo lý của Hội Thánh Công giáo số 2015 dạy rằng, để trở nên thánh thiện, các tín hữu phải từ bỏ mình và chiến đấu thiêng liêng: “Con đường của sự trọn hảo phải đi qua thập giá. Không thể có sự thánh thiện, nếu không có sự từ bỏ và cuộc chiến đấu thiêng liêng” [19, Tr. 578]. Nguyễn Ninh đã khắc họa nơi nhân vật Suong trong truyện ngắn *Lần cuối*, hình ảnh một người phụ nữ chấp nhận hy sinh những khát vọng riêng để chu toàn bốn phận gia đình. Tuổi xuân của Suong trôi qua trong việc chăm sóc, nuôi dạy các em nên người. Đến khi hoàn tất trách nhiệm, cô tìm lại Vỹ – người hẹn ước năm xưa, thì nhận ra anh đã có gia đình. Dưới tấm ảnh nhỏ nơi mái ấm của Vỹ, câu Lời Chúa “Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không được phân ly” (*Mác-cô* 10, 9) như tiếng gọi thức tỉnh, đánh động tâm hồn Suong. Ý thức mình là một Kitô hữu, cô chọn bước lùi, thì thầm với lòng: “Dù thế nào đi nữa, đây là lần cuối cùng mình quay trở lại” [13, Tr. 132]. Quyết định ấy không phải sự buông bỏ đơn giản, nhưng là cuộc chiến thiêng liêng, nơi trái tim Suong vừa dằn vặt vừa thắm đẫm nỗi xót xa.

Vẻ đẹp của người phụ nữ không chỉ nằm ở dáng vẻ bên ngoài, mà còn tỏa sáng từ chiều sâu nhân cách và đạo đức. Trong văn chương Công giáo, họ hiện lên như những người gìn giữ giá trị luân lý, mang trong mình tinh thần trách nhiệm với gia đình, sự tinh tế trong cách ứng xử, và hơn hết là một trái tim thủy chung son sắt trong hôn nhân. Người vợ trong truyện ngắn *Mưa hồng ân* (*Tâm Ngọc*) tuy là một người tân tòng (người mới gia nhập đạo Công giáo) nhưng chị biết sống trọn đạo hiếu của một người con dâu, làm tròn vai trò của người mẹ trong việc giáo dục con cái. Trên hết, nhờ sự dịu dàng và ân cần của một người làm vợ, chị trở thành tấm gương đạo đức để người chồng luôn tự hào là người “đạo gốc” phải nhìn nhận lại cách sống và thay đổi bản thân. Như lời Kinh Thánh dạy rằng: “Chị em là những người vợ, chị em hãy phục tùng chồng, như vậy, dù có những người chồng không tin lời Chúa, thì họ cũng sẽ được chinh phục nhờ cách ăn nết ở của chị em mà không cần chị em phải nói lời nào” (*1 Phê-rô* 3, 1). Người vợ dịu dàng và đức hạnh luôn tỏa sáng trong mắt bạn đời, họ được coi như “thiên sứ” của tình

yêu, sức hút của họ còn được thể hiện ở phẩm chất giữ gìn và nuôi dưỡng tình yêu. Đó là hình ảnh người vợ trong truyện *Phía sau nỗi đau* (Chung Thanh Huy) dành cả cuộc đời để yêu thương chồng con. Mặc dù cuộc sống có khó khăn và còn phải chiến đấu với căn bệnh nan y, nhưng người vợ đó vẫn nổi bật với nhân đức hiền lành, ân cần, giúp gia đình giữ trọn hạnh phúc. “Hoi đầu mà buồn, mình cứ vững tin vào Chúa nhe anh...” [4, Tr. 100]. Ngoài ra, sự trung tín trong tình yêu có thể xem là một biểu hiện của “cương quyết nội tâm”, giúp người phụ nữ đạt tới sự thánh thiện. Trong truyện *Đợi chờ* của Nguyễn Ninh, bà Miến đã kiên nhẫn chờ đợi người chồng suốt 20 năm. Hình ảnh người vợ ngày ngày ra bờ sông, “Mắt xa xăm. Lâu lâu lại ngậm mấy câu vọng phu... để chờ đợi một người” [13, Tr. 26], gọi nơi người đọc niềm ngưỡng mộ trước một tình yêu thủy chung. Về đẹp từ nhân đức của người vợ được Kinh Thánh tôn vinh rằng: “Tìm đâu ra một người vợ đảm đang? Nàng quý giá vượt xa châu ngọc” (*Châm ngôn* 31, 10).

Tuy không phải là tổng hợp một mẫu thức thánh thiện, nhưng các nhà văn đã dùng ngòi bút của mình để diễn tả vẻ đẹp của các nhân đức Kitô giáo, bằng việc xây dựng hình tượng người phụ nữ mang những đặc tính của sự thánh thiện vượt trội, của mỹ đức dịu hiền, thủy chung, can đảm, khôn ngoan và đạo đức. Những nhân vật sống thánh thiện đã trở thành “những vị thánh trong văn học”, là chứng tá sống động của đời sống đức tin, và truyền cảm hứng để con người thời nay học hỏi, noi theo. Như Kinh Thánh đã tôn vinh những người phụ nữ rằng: “Duyên dáng là giả trá, sắc đẹp là phù vân. Người phụ nữ kính sợ Đức Chúa mới đáng cho người đời ca tụng” (*Châm ngôn* 31, 30).

3.3. Người nữ trong số phận bi thương

Trong suốt chiều dài lịch sử, đạo Công giáo mang dáng dấp của một giáo hội chịu nhiều tổn thương và khổ đau. Hình ảnh Chúa Giêsu, Đức Mẹ Maria và các vị Thánh được nhắc đến nhiều với những câu chuyện vượt qua sự đau khổ để đạt tới vinh quang. Kinh Thánh cho chúng ta thấy, Thiên Chúa không chỉ mang gương mặt của sự tốt lành, thánh thiện và yêu thương. Bên cạnh đó, Đức Giêsu – con người đau khổ là hình ảnh nổi bật của bản chất con người. “Đầu là Con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục” (*Híp-ri* 5, 8). Thánh nữ Faustina đã chiêm nghiệm về sự đau khổ như sau: “Đau khổ là một hồng ân trọng đại; qua đau khổ, linh hồn sẽ được nên giống Đấng Cứu Độ; trong đau khổ, tình yêu được tinh luyện; đau khổ càng lớn lao, tình yêu càng tinh ròng” [2]. Sự đau khổ của con người dưới nhãn quan của Kitô giáo được coi là một cách thức rèn luyện linh hồn. Trong những lúc khổ đau, con người thấy mình trở nên giống hình ảnh Chúa Giêsu chịu khổ nạn, qua đó con người cảm nghiệm được tình yêu của Thiên Chúa. Các nhân vật nữ trong truyện ngắn Công giáo đương đại luôn được đặt trong các hoàn cảnh, bi kịch khác nhau – gọi là motif nghịch cảnh. Các motif nghịch cảnh này luôn đa dạng và chồng lấn lên nhau, đó là những hoàn cảnh trắc trở, éo le, khó khăn, thử thách, hoàn cảnh không theo ý muốn và sự mất mát, đau thương.

Số phận bi thương của người phụ nữ được thể hiện nhiều trong cuộc sống hôn nhân gia đình. Họ là những người vợ bị chồng phản bội, như người mẹ của nhân vật tôi trong truyện *Cát bụi* (Nguyễn Thị Khánh Liên), cả cuộc đời sống trong sự căm giận và tổn thương khi người chồng bỏ lại gia đình, đi theo người phụ nữ khác. “Còn mẹ tôi, giờ đã già nhưng vẫn giữ một nỗi đau buồn trong tim, chưa tha thứ được. Có lúc mẹ tha thứ, có lúc mẹ lại căm giận. Giận người đã phản bội mẹ và biến mẹ thành một người đàn bà tội nghiệp, thua cuộc, không còn chút niềm tin vào hạnh phúc” [6, Tr. 56]. Đó cũng là số phận của người vợ trong truyện *Căn nhà cũ* (Nguyễn Ninh), sau bao năm trời bôn ba ở nước ngoài để gửi tiền về cho gia đình, nhưng đến khi khá giả thì người chồng bỏ vợ con để đi theo nhân tình. Nỗi đau do sự phản bội của người chồng như con dao găm vào tim người phụ nữ, những vết thương không hiện hữu ở trên thể xác, mà hóa thành những dạng “nhiều tâm”. Hay như chị Phương trong *Bước qua niềm đau* (Phạm Hải Miên) phải trải qua nhiều đêm dài trong cơn ác mộng. “Nhiều đêm, chị nằm mơ thấy chị là một trong hai nhân vật chính kia. Chị muốn giết lại chồng từ tay kẻ khác. Nhưng đến đoạn gay cấn nhất, chị lại bừng tỉnh, mồ hôi ướt đầm” [8, Tr. 103]. Các nhà văn xây dựng hình tượng những người phụ nữ dưới bi kịch gia đình, họ là những người phải chịu đau khổ và tổn thương. Nhưng ở những người phụ nữ ấy luôn có một điểm chung là dù hoàn cảnh có như thế nào, họ vẫn giữ trọn đạo nghĩa của người làm vợ, sẵn sàng tha thứ cho những người làm họ khổ đau và cầu nguyện cho kẻ lạc bước được quay trở về. Như lời Chúa Giêsu đã dạy: “Hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ ngược đãi anh em” (*Mát-thêu* 5, 44). Các nhà văn đã cho thấy chủ nghĩa nhân văn Kitô giáo khi nhìn vào số phận bi thương của những người phụ nữ. Bên cạnh đó, còn là tiếng nói lên án cái xấu và răn dạy con người phải biết giữ lấy hạnh phúc hôn nhân, gia đình.

Trong bức tranh về những phận đời đau khổ vì đổ vỡ trong đời sống hôn nhân, còn có những nỗi đau không thể diễn tả thành lời – nỗi đau mất đi những người thân yêu. Người phụ nữ trong các sáng tác của Phạm Hải Miên đa số đều mang số phận bi thương. Như câu chuyện của nhân vật Hân (*Nơi ấy có mùa Thu*), kể về một người phụ nữ mỗi năm cứ đến ngày trung thu lại mang theo chiếc đèn ông sao và bó hoa đến nhà thờ – nơi an nghỉ cuối cùng của chồng và con cô ấy. Nỗi ám ảnh đeo đẳng chị nhiều năm chỉ vì vào ngày trung thu định mệnh ấy, do mãi mê công việc, chị đã đánh mất gia đình nhỏ hạnh phúc. Chị thổn thức: “Giá như ngày Trung thu đó, tôi quyết định về với gia đình, thì tôi đã không như bây giờ” [8, Tr. 163]. Cùng chung số phận là hình ảnh người mẹ già mất con trong truyện *Cỏ dại*, “Người đàn bà lớn tuổi ngồi trên chiếc xe lăn, mắt mờ đục luôn nhìn về hướng biển” [8, Tr. 92]. Đó là nỗi đau của “người tóc bạc tiền kẻ đầu xanh”, nỗi đau mất con nhưng không tìm thấy xác. Cũng như nhân vật Ly trong truyện *Ánh sao đêm* khi chứng kiến người mẹ của mình ra đi khi không có tiền đệm tay cho bác sĩ, kể từ đó cô quyết tâm phải trở thành một bác sĩ tốt. Nhưng đến khi cô hoàn thành được hoài bão, thì một lần nữa, Ly lại chứng kiến em gái – người thân duy nhất của mình ra đi. Nghĩ về số phận con người, tác giả sách Giảng viên cũng phải cảm thán rằng: “Đời người trôi qua trong tang tóc, trong buồn phiền sâu não, trong khổ đau, trong chán chường” (*Giảng viên* 5, 16). Trong gam

màu tối của cuộc sống, Đức Tin như là ánh sáng soi chiếu vào đêm đen của những phận đời đau khổ. Hình ảnh tượng Đức Mẹ được xây trên ngôi mộ gió trong truyện *Cỏ dại* là hình ảnh ẩn dụ cho sự chữa lành của Thiên Chúa đối với nỗi đau của con người. Như lời của Hân trong *Nơi ấy có mùa thu*: “Buồn vui trong cuộc sống, tôi tin có Chúa bên cạnh” [8, Tr. 163]. Bác sĩ Ly trong truyện *Ánh sao đêm* vẫn tiếp tục sứ mệnh cứu người, trở thành một người bác sĩ y đức. “Chúa đã chạm vào cuộc sống của Ly để cất đi những giọt nước mắt khổ đau hay chén đắng của sự mất mát. Ngài biến chén đắng của cô thành chén nồng tình yêu, giúp cô cứu chữa nhiều người” [8, Tr. 120]. Qua đau khổ, con người được Thiên Chúa ủi an. Nhờ đau khổ, mà chúng ta thấu hiểu được nỗi đau của người khác, để từ đó yêu thương họ hơn. Điều này thật đúng với tinh thần của Kinh Thánh: “Người luôn nâng đỡ ủi an chúng ta trong mọi cơn gian nan thử thách, để sau khi đã được Thiên Chúa nâng đỡ, chính chúng ta cũng biết an ủi những ai lâm cảnh gian nan khốn khó” (2 *Cô-rin-tô* 1, 4).

Những nhân vật nữ được các nhà văn thể hiện dưới những dạng thức của nỗi đau là những người vợ, người mẹ, những người phụ nữ dành trọn cả cuộc đời cho tình yêu, cho gia đình nhưng lại mang số phận bi thương. Tuy vậy, họ không chìm mãi vào trong sự đau khổ. Trên hết, qua những nghịch cảnh cuộc sống, họ càng thêm vững tin vào tình yêu của Thiên Chúa – Đấng đã chịu mọi đau khổ vì con người. Theo như tinh thần của *Công Đồng Vaticano II* khẳng định: “Họ được kết hiệp cách đặc biệt với Đức Kitô, Đấng đã chịu đau khổ để cứu độ thế giới, vì họ chính là những người mà trong Tin Mừng, Chúa đã tuyên bố là người có phúc” [3, Tr. 147].

4. Người nữ sa ngã, phạm tội

Theo Kinh Thánh, ngay từ thuở ban đầu, bản tính con người căn bản là yếu đuối và mỏng giòn, vì con người được Thiên Chúa tạo dựng nên từ bụi đất (*Sáng thế* 2, 7), do vậy mà con người dễ sa ngã trước những thách đố của cuộc sống. Nhân loại học Kitô giáo nhận định, con người được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa, nhưng đã sa ngã và phạm tội [5, Tr. 21]. Điều này có nghĩa là tội lỗi làm tổn thương hình ảnh Thiên Chúa nơi con người. Kitô giáo không trốn tránh tội lỗi, cái ác, vì đây là một tôn giáo chủ trương hoán cải thay vì sự an ủi giả tạo. Do đó, vấn đề về tội lỗi, con người tội lỗi được thể hiện một cách mạnh mẽ trong đạo Công giáo. Với sự đấu tranh giữa các mặt phạm trù thiện – ác; ánh sáng – bóng tối; con người Thần Khí – con người xác thịt luôn hiện hữu rõ nét trong Kinh Thánh và văn chương. Hiểu theo nghĩa thông thường, tội lỗi là những điều trái pháp luật, trái với điều luật tôn giáo, hoặc lỗi lầm gây ra cho người khác. Quan điểm của Kitô giáo cho rằng, tội là cố chống lại chân lý tốt lành của Thiên Chúa và đó là sự xúc phạm đến Đấng Tối Cao. Vì thế, tội phá vỡ tương quan giữa con người với Thiên Chúa, làm tổn thương phẩm giá con người và ảnh hưởng đến tình liên đới với tha nhân. Trong cuốn *Nhân học thân học: Con người trong dòng mạch khai*, tác giả Nguyễn Hữu Quang đã nhắc đến biểu tượng Kitô giáo: Sa ngã và Tội nhân [15, Tr. 368], trong đó, tội là biểu tượng tôn

giáo diễn tả trách nhiệm cá nhân cho sự tha hóa, với những trải nghiệm của con người khi trải qua những xung đột, đứt đoạn, được biểu hiện qua cảm thức tội lỗi, sự cô độc và vô nghĩa. Các nhà văn Công giáo không chỉ xây dựng hình ảnh người phụ nữ dựa trên dung mạo của Thiên Chúa, với những nhân vật lý tưởng mang những phẩm chất tốt đẹp. Bên cạnh đó, hình tượng người phụ nữ hiện lên với những thiếu sót, bất toàn.

Trong Kinh Thánh, hình tượng con người sa ngã, tội lỗi được kể đến khá nhiều qua dạng nhân vật gái điếm, người phụ nữ tội lỗi đầu tiên và cuối cùng xuất hiện trong Tân Ước đều là những cô gái điếm (*Mát-thêu* 1, 35 và *Khải huyền* 17, 16-18). Trong các tác phẩm truyện ngắn Công giáo đương đại, dạng nhân vật làm nghề gái điếm xuất hiện khá nhiều, như nhân vật người em gái trong *Những con chiên của Chúa* (Nguyễn Thị Khánh Liên), cô gái ở quán café trong *Em về đi* (Nguyễn Ninh), Hương trong *Hoa nở giữa đêm* và Loan trong truyện *Tiếng Vọng* (Tâm Ngọc). Chính những khắc nghiệt của đời sống đã dồn đẩy họ đến con đường tội lỗi, buộc phải gắn bó với nghề nghiệp vốn bị xã hội khinh miệt. Lời đối thoại của Loan trong *Tiếng vọng* (Tâm Ngọc) là minh chứng rõ ràng cho sự giằng xé ấy: “Công giáo à, tao là người Công giáo đó thì sao? Công giáo thì cũng phải ăn uống, cũng phải kiếm tiền chứ” [12, Tr. 28]. Việc xuất hiện dày đặc hình tượng những người phụ nữ làm nghề gái điếm trong truyện ngắn Công giáo đương đại không chỉ nhằm phản ánh một thực tại xã hội khắc nghiệt, mà còn mang tính chất biểu tượng. Đó là biểu tượng cho sự giằng co giữa niềm tin tôn giáo và thân phận con người. Những nhân vật nữ tội lỗi đều ý thức được căn tính Kitô hữu của mình, nhưng hoàn cảnh sống éo le đã khiến họ bất lực, sa ngã trước cám dỗ, từ đó rơi vào trạng thái tội lỗi, xa lìa Thiên Chúa.

Ở một phương diện khác, các tác giả khi xây dựng hình tượng “gái điếm Công giáo” không chỉ muốn phơi bày sự tha hóa, mà còn mở ra chiều kích cứu rỗi. Bởi lẽ trong truyền thống Kitô giáo, chính những con người tội lỗi, thấp hèn lại là đối tượng ưu tiên của lòng thương xót Thiên Chúa. Qua hình tượng này, văn học Công giáo đương đại tiếp nối mạch cảm hứng từ câu chuyện nổi tiếng trong Kinh Thánh, kể về cách ứng xử của Chúa Giêsu với người phụ nữ tội lỗi trong truyện *Người phụ nữ ngoại tình* (*Gioan* 8, 1-11). Đức Giêsu cho thấy thái độ của Ngài đối với người phụ nữ phạm tội: “Tôi không lên án chị đâu! Chị cứ về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa!” (*Gioan* 8, 11). Thiên Chúa đã dùng cái nhìn bao dung và lòng thương xót dành cho người tội lỗi, Người cũng dạy chúng ta đừng kết án người khác khi nhìn vào sai lầm của họ, mà thay vào đó là sự bao dung, yêu thương, tha thứ và tạo cơ hội giúp họ quay trở về với đường ngay nẻo chính. Đây là một quan điểm nhân văn, sâu sắc về đức tin và lòng nhân từ mà Chúa Giêsu muốn truyền tải. Ở đây, các nhà văn Công giáo đã nhìn thân phận của những người phụ nữ làm nghề gái điếm bằng chính cái nhìn của Thiên Chúa – cái nhìn của lòng thương xót. Như qua lời của tác giả Nguyễn Thị Khánh Liên: “Có thể nói em gái chị là một con chiên lạc và là con chiên tội nghiệp trong bầy chiên của Chúa” [6, Tr. 35]. Đó cũng chính là cái nhìn của Nguyễn Ninh dành cho người phụ nữ làm nghề gái điếm: “Em về đi... Mình là người Công giáo mà” [13, Tr. 220]. Dẫu là tội nhân, họ vẫn được nhìn nhận bằng sự cảm thông và lòng nhân từ. Trên hết, khi

đứng trước những số phận lạc bước, người Kitô hữu nên sống tinh thần bác ái, thực thi lòng thương xót của Thiên Chúa, khuyên răn người tội lỗi biết quay trở về. Thông qua các nhân vật và câu chuyện của mình, các nhà văn Công giáo đã mô phỏng điểm nhìn nhân văn, góp phần làm nổi bật thông điệp của Chúa về sự tha thứ và không lên án người tội lỗi. Việc này thể hiện tinh thần thương xót của Kitô giáo đối với những tội nhân.

Ở trong một thế giới đầy rẫy những khổ đau, con người tìm đến đức tin tôn giáo như một chiếc phao cứu sinh giúp họ bám víu khi gặp đau khổ, bi kịch. Thế nhưng con người cũng có thể dễ dàng xa rời Thiên Chúa, chối bỏ đức tin của mình khi gặp những biến cố trong cuộc sống. Khi đó, con người cảm thấy cô đơn và chệnh vênh, mặc cảm tội lỗi khiến họ mang thân phận lạc loài, tự tách mình ra khỏi đoàn chiên, hay cao hơn là sự hoài nghi, chất vấn chính Đấng Tối Cao. Như cô gái trong *Biển của đời người* (Chung Thanh Huy) sau khi trải qua bi kịch gia đình, cô hận những người làm cô đau khổ và hận cả Chúa. “Con bỏ đạo, bỏ Chúa. Con chẳng còn tin có Chúa trong cuộc đời này. Chúa ở đâu trong những lúc cuộc đời con nguy khốn như vậy?” [4, Tr. 57]. Tương tự nhân vật Mân trong truyện ngắn *Đi tìm Ikigai* (Nguyễn Ninh), bị tai nạn và mất đi đôi chân, sự đau khổ làm cô xa rời Thiên Chúa, không còn niềm tin vào cuộc sống này. “Tự trong thâm tâm cô biết mình không thiết tha với Nhà thờ Nhà thánh nữa. Nỗi đau quá lớn. Chúa dường như ở nơi đâu thật xa lạ” [13, Tr. 44]. Con người khi đặt niềm tin quá lớn vào tôn giáo, đến lúc cuộc sống không được như ý muốn thì họ dễ rơi vào tuyệt vọng, có người chọn từ bỏ niềm tin đó, có người dùng thái độ căm phẫn và phản kháng lại với những thứ mà mình đã từng tin tưởng. Như cô gái trong truyện *Lá rụng về cội* (Nguyễn Ninh) sau khi trải qua thất bại của cuộc tình, người cô hận cuối cùng lại chính là Chúa. Cô chọn việc vào chùa cạo đầu xuất gia như để chạy trốn chính mình, chạy trốn cuộc đời và là cách chống cô lại Thiên Chúa. “Chúa à? Cũng chỉ là hư ảnh. Nếu có Chúa, thì sao Ngài để cho cô, một con chiên ngoan đạo hiền lành chịu trăm bề cay đắng túi hồ ê chề?” [13, Tr. 211]. Như một quy luật của lẽ thường, “yêu càng nhiều, hận càng sâu”. Có thể thấy, những con người ấy đã yêu mến Thiên Chúa và đặt niềm tin tưởng ở nơi Ngài rất nhiều, nhưng đến khi gặp phải những nghịch cảnh thì họ lại đổ lỗi cho Chúa và đâm ra hận Người. Những nghịch lý, mâu thuẫn và hiện thực đau khổ của cuộc sống, đã khiến con người mất đi niềm tin vào những nền tảng giá trị, họ quên mất rằng chính Chúa Giêsu đã chịu đau khổ và chịu chết để con người được sống, những Kitô hữu theo Chúa cũng được mời gọi nên thánh qua sự đau khổ. Các nhà văn đã thể hiện dạng con người trong sự khủng hoảng về đức tin, họ trở thành kẻ mất Chúa, việc chối bỏ niềm tin khiến cho con người sống trong tình trạng đổ vỡ của các mối tương quan liên vị. Điều đó thể hiện qua tâm trạng bơ vơ, hoài nghi về cuộc sống nhân sinh, con người sẽ cảm thấy bất lực trong cuộc chiến đấu với nghịch cảnh. Như lời cảm thán của cô gái trong truyện *Em về đi* (Nguyễn Ninh): “Nghĩ đi nghĩ lại, con chẳng hiểu vì sao lại nên cơ sự này. Sao Chúa lại để con ra nông nỗi này” [13, Tr. 218]. Có thể lý giải hành trình đánh mất niềm tin bắt nguồn từ những nghịch cảnh cuộc sống, làm cho con người cảm thấy lao đao, khốn khổ, nỗi đau đó được bộc lộ qua sự hoài nghi về Đấng Tối Cao, và họ giải quyết bằng sự nổi loạn, khước từ và phá đổ mọi giá trị của đức tin. Song, chính

họ cũng cảm thấy sợ hãi, mất phương hướng với sự lựa chọn của bản thân mình. Trong truyện *Lá rụng về cội*, Nguyễn Ninh đã thể hiện điều đó qua câu chuyện của một con chiên ngoan đạo, lại trở thành ni cô nhiệt tâm nơi cửa Phật, nhưng khi đối diện với bệnh tật và cận kề cái chết, mọi nỗ lực tìm kiếm sự thanh thoát cõi đời như kiệt quệ, thay vào đó là sự hoang mang, nghi ngại của một con người chạy trốn sự đau khổ. “Nếu không phải là chính con người Sư thì Sư sẽ đi đâu về đâu? Hay sẽ biến mất hoàn toàn trong cõi hư vô, không còn vết tích. [...] Hai mươi năm tu tập vững vàng, trở thành một người tín cẩn của Sư trụ trì hẳn là một bậc thông tuệ. Ấy vậy mà lần này khi cái chết cận kề, Sư lại chỉ thấy hoang mang chấp chới trong lòng” [13, Tr. 213].

Tội lỗi không chỉ thể hiện những vi phạm, sai lầm, lối sống đi ngược lại với giáo lý và đức tin, nó còn mang sứ điệp thần học sâu sắc sự khoan nhân, lòng thương xót và tình yêu của Thiên Chúa dành cho nhân loại. Thông qua việc thể hiện những phạm trù của cái ác, cái xấu và sự tha hóa của lối sống con người, các tác giả đã dùng những hình tượng con người tội lỗi để cảnh báo về việc giữ gìn những giá trị đạo đức, luân lý và đức tin của người tín hữu trong thời đại ngày nay, đồng thời đặt ra thách thức lương tâm Công giáo trong mối quan hệ giữa đời và đạo. Bên cạnh đó, dưới con mắt của sự khoan dung tôn giáo, những cây bút trẻ Công giáo cho thấy một điểm nhìn nhân văn đối với những hối nhân, tội lỗi là điều cần lên án, nhưng người tội lỗi xứng đáng nhận được lời cầu nguyện, sự tha thứ của chúng ta. Nói theo René Lautourelle: “Người tội lỗi nhìn nhận mình là một người tội lỗi đã là “một người tội lỗi được yêu thương” [5, Tr. 113]. Có thể thấy, sự xuất hiện của kiểu nhân vật tội lỗi cho thấy bước chuyển quan trọng của truyện ngắn Công giáo: từ chỗ chỉ đề cao mẫu hình thánh thiện, lý tưởng (con chiên ngoan đạo) sang việc đi sâu khám phá những số phận lạc loài, tội lỗi nhưng vẫn mang trong mình mầm mống niềm tin. Đây chính là dấu hiệu cho thấy văn học Công giáo ngày càng gần hơn với đời sống xã hội, không ngần ngại khắc họa “những bóng tối” để qua đó làm sáng lên ý nghĩa của sự tha thứ và hy vọng.

5. Kết luận

Hình tượng người phụ nữ là một trong những hình tượng trung tâm, nổi bật trong truyện ngắn Công giáo đương đại. Trên nền tảng quan niệm “con người được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa”, các nhà văn đã đi sâu vào việc soi chiếu chân lý niềm tin Kitô giáo khi xây dựng nhân vật nữ. Những người phụ nữ Công giáo trong tác phẩm hiện lên đa dạng: trong sự liên hệ giữa con người tự nhiên và con người tâm linh, giữa con người tôn giáo và con người xã hội. Qua hình ảnh những con người sống yêu thương, thánh thiện, kiên trung trước sự đau khổ, Thiên Chúa không còn là Đấng cao xa không thể chạm tới, mà đã trở nên đồng hình đồng dạng với con người. Mỗi nhân vật là mỗi hoàn cảnh, mỗi đời sống khác nhau, có người đáng ngưỡng mộ, có người chưa phải là hình mẫu tốt. Nhưng trên hết, bất chấp sự khác biệt, tất cả những người phụ nữ đều có chung mối liên kết – họ được Thiên Chúa yêu thương và được Giáo hội

nhìn nhận, trân trọng. Các nhà văn Công giáo đã thành công khi đưa “chất thánh” vào văn học nghệ thuật, cụ thể hóa hình ảnh thánh thành những câu chuyện văn chương. Nhờ vậy mà nghệ thuật Công giáo không còn xa lạ đối với độc giả, còn cho thấy sự tương quan giữa “chất đạo” và “chất đời”. Từ đó thấy được những giá trị tư tưởng của Kitô giáo mang lại cho nghệ thuật nước nhà. Có thể nói, đây là công trình đầu tiên tập trung phân tích và khẳng định giá trị của người phụ nữ trong văn học Công giáo trên nền tảng tư tưởng “người nữ theo hình ảnh Thiên Chúa”. Cách tiếp cận này không chỉ mở ra một cơ sở lý luận cho việc thẩm định hình tượng nhân vật nữ trong nghệ thuật Công giáo, mà còn có ý nghĩa như một “hiến chương” để định hướng nghiên cứu lâu dài. Dù trong truyền thống Kitô giáo, hình ảnh Thiên Chúa gắn với nữ tính chưa từng giữ vị trí trung tâm, song văn học, cùng với phong trào nữ quyền và thần học nữ, đã góp phần tái khám phá và khẳng định chiều kích này một cách mạnh mẽ trong bối cảnh hiện đại. Điều đó cũng đồng điệu với mục tiêu của các nhà thần học nữ quyền: từ chính trải nghiệm và cách nhìn của phụ nữ, cần phải suy tư nghiêm túc về chân lý rằng: “Đàn bà cũng được sáng tạo trong hình ảnh Thiên Chúa” [15, Tr. 500].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Đình Bảng (2010), *Văn học Công giáo Việt Nam – Những chặng đường*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
2. Maria Faustina Kowalska (2001), *Nhật ký lòng thương xót Chúa nơi linh hồn tôi*, (Ngọc Đính dịch), Nxb. Văn Hóa – Nghệ Thuật, TP.HCM.
3. Công đồng chung Vaticano II (2016), *Công Đồng Vaticano II*, (Hội đồng Giám mục Việt Nam dịch), Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.
4. Chung Thanh Huy (2022), *Bão*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
5. René Latourelle SJ (2016), *Con người và các vấn đề của con người trong ánh sáng Đức Kitô*, (Lm. Trần Hữu Phương dịch), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Khánh Liên (2021), *Sông chảy về đâu*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
7. Hồng Y Martini (2011), *Người nữ mang ơn hòa giải*, (Nguyễn Thị Sang dịch), Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.
8. Phạm Hải Miên (2022), *Ánh sao đêm*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
9. Đỗ Công Minh (2017), *Người Phụ nữ trong Giáo Hội*, Giáo phận Vĩnh Long, nguồn <https://giaophanvinhlong.net/nguoi-phu-nu-trong-giao-hoi.html>, ngày truy cập 29/09/2023.

10. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo Hội Công Giáo*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.
11. Nhiều tác giả (2006), *Kinh thánh Cựu ước và Tân ước – Lời Chúa cho mọi người*, (Nhóm Phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
12. Tâm Ngọc (2023), *Tiếng Vọng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
13. Nguyễn Ninh (2023), *Đi tìm Ikigai*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
14. Đức Giáo Hoàng Phanxicô (2024), *Tông huấn Gaudete et exultate – Hãy vui mừng hoan hỉ*, (Lê Công Đức dịch), Nxb. Đồng Nai, Biên Hòa.
15. Vital-Luca Nguyễn Hữu Quang (2018), *Nhân học thần học: Con người trong dòng mặc khải*, Nxb. Tôn Giáo.
16. Võ Long Tế (1965), *Lịch sử văn học Công Giáo Việt Nam*, Nxb. Tư Duy, Sài Gòn.
17. Bùi Công Thuấn (2020), *Văn học Công Giáo Việt Nam đương đại*, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội.
18. Bùi Công Thuấn (2020), *Những mùa vàng văn học Công Giáo Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội.
19. Tòa Thánh Vatican (2022), *Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo*, Ủy ban Giáo lý Đức tin dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.